

## GIÁO LÝ VĂN TẮT WESTMINSTER (Westminster Shorter Catechism)

H. 1. Mục đích tối thượng của loài người là gì?

T. Mục đích tối thượng của loài người là làm vinh hiển Đức Chúa Trời, [a] và vui hưởng Ngài đời đời. [b]

[a]. Thi. 86:9; Ê-sai. 60:21; Rôm. 11:36; I Côr. 6:20; 10:31; Khải. 4:11

[b]. Thi. 16:5-11; 144:15; Ê-sai. 12:2; Luc 2:10; Phil. 4:4; Khải. 21:3-4; 1 Giăng 2:15-17

H. 2. Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta luật lệ gì để hướng dẫn chúng ta cách làm thế nào để chúng ta có thể làm vinh hiển và vui hưởng Ngài?

T. Lời Đức Chúa Trời, được chứa đựng trong Kinh Thánh của Cựu và Tân Ước, [a] là luật lệ duy nhất để hướng dẫn chúng ta cách làm thế nào để chúng ta có thể làm vinh hiển và vui hưởng Ngài. [b]

[a]. Mat. 19:4-5 với Sáng. 2:24; Luc 24:27, 44; I Côr. 2:13; 14:37; II Phi-e-rơ. 1:20-21; 3:2, 15-16

[b]. Phục. 4:2; Thi. 19:7-11; Ê-sai. 8:20; Giăng 15:11; 20:30-31; Công 17:11; II Tim. 3:15-17; I Giăng 1:4

H. 3. Điều trọng yếu mà Kinh Thánh dạy dỗ là gì?

T. Điều trọng yếu mà Kinh Thánh dạy dỗ đó là loài người tin về Đức Chúa Trời, [a] và trách nhiệm mà Đức Chúa Trời yêu cầu loài người thực hiện. [b].

[a]. Sáng. 1:1; Giăng 5:39; 20:31; Rôm. 10:17; II Tim. 3:15

[b]. Phục. 10:12-13; Giô-suê. 1:8; Thi. 119:105; Mi-chê. 6:8; II Tim. 3:16-17

H. 4. Đức Chúa Trời là gì? Hay Ngài là Đấng như thế nào ?

T. Đức Chúa Trời là Thần Linh[a], vô hạn [b], đời đời [c], và bất biến [d] tự hữu [e], khôn ngoan [f], quyền năng [g], thánh khiết [h], công bình [i], tốt lành [j], và chân thật [k].

[a]. Phục. 4:15-19; Luc 24:39; Giăng 1:18; 4:24; Công 17:29; Giăng 4:24

[b]. I Các Vua 8:27; Thi. 139:7-10; 145:3; 147:5; Giê-r. 23:24; Rôm. 11:33-36

[c]. Phục. 33:27; Thi. 90:2; 102:12, 24-27; Khải. 1:4,8

[d]. Thi. 33:11; Ma-la-chi. 3:6; Hêb. 1:12; 6:17-18; 13:8; Gia-cơ. 1:17

[e]. Xuất. 3:14; Thi. 115:2-3; I Tim. 1:17; 6:15-16

[f]. Thi. 104:24; Rôm. 11:33-34; Hêb. 4:13; I Giăng 3:20

[g]. Sáng. 17:1; Thi. 62:11; Giê-rê-mi. 32:17; Ma-thi-ơ. 19:26; Khải. 1:8

[h]. Hêb. 1:13; I Phi-e-rơ. 1:15-16; I Giăng 3:3, 5; Khải. 15:4

[i]. Sáng. 18:25; Xuất. 34:6-7; Phục. 32:4; Thi. 96:13; Rôm. 3:5, 26; Ê-sai 1:19

[j]. Thi. 103:5; 107:8; Mat. 19:17; Rôm. 2:4

[k]. Xuất. 34:6; Phục. 32:4; Thi. 86:15; 117:2; Hêb. 6:18

H. 5. Có nhiều hơn một Đức Chúa Trời đúng không?

T. Chỉ có duy nhất một [a], Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật [b].

[a]. Phục. 6:4; Ê-sai. 44:6; 45:21-22; I Côr. 8:4-6

[b]. Giê-rê-mi. 10:10; Giăng 17:3; I Tê. 1:9; I Giăng 5:20

H. 6. Có bao nhiêu thân vị trong Đức Chúa Trời ba ngôi?

T. Có ba thân vị trong Đức Chúa Trời ba ngôi; Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Thánh Linh [a]; và ba thân vị này là một Đức Chúa Trời, đồng bản thể, đồng đẳng, đồng quyền và đồng vinh hiển. [b]

[a]. Mat. 3:16-17; 28:19; II Côr. 13:14; I Phi-e-rơ. 1:2; Heb 1:8-9

[b]. Thi. 45:6; Giăng 1:1; 17:5; Công 5:3-4; Rôm. 9:5; Cól. 2:9; Giu-đe 24-25; Phi 2:5-7

H. 7. Những ý chỉ thiên thượng / chương trình của Đức Chúa Trời là gì?

T. Những ý chỉ thiên thượng của Đức Chúa Trời là, mục đích đời đời của Ngài, y theo ý định của ý muốn Ngài, bởi đó, vì sự vinh hiển của chính Ngài, Ngài đã định trước mọi điều sẽ xảy đến [a].

[a]. Thi. 33:11; Ê-sai. 14:24; Công 2:23; Êph. 1:11-12; Truyền 3:11; Gióp 23:13-14

H. 8. Làm thế nào Đức Chúa Trời thi hành ý chỉ thiên thượng của Ngài?

T. Đức Chúa Trời thi hành ý chỉ thiên thượng của Ngài trong những công việc của sự sáng tạo và thần hựu (quan phòng) [a].

[a]. Thi. 148:8; Ê-sai. 40:26; Đan. 4:35; Công 4:24-28; Khải. 4:11

H. 9. Công việc của sự sáng tạo là gì?

T. Công việc của sự sáng tạo là, Đức Chúa Trời sáng tạo mọi thứ từ không có gì, bởi lời quyền năng của Ngài [a], trong sáu ngày, và tất cả đều rất tốt lành. [b]

[a]. Sáng. 1:1; Thi. 33:6, 9; Hêb. 11:3

[b]. Sáng. 1:31

H. 10. Đức Chúa Trời tạo nên loài người như thế nào?

T. Đức Chúa Trời đã tạo nên người nam và người nữ, như hình ảnh của Ngài [a], trong sự hiểu biết [b], sự công chính, và sự thánh khiết [c], với quyền thống trị trên các tạo vật [d].

[a]. Sáng. 1:27

[b]. Cól. 3:10

[c]. Êph. 4:24

[d]. Sáng. 1:28; Thi. 8

H. 11. Những công việc của sự thần hựu (quan phòng) của Đức Chúa Trời là gì?

T. Những công việc của sự quan phòng của Đức Chúa Trời là, sự thánh khiết tuyệt đối của Ngài [a], sự khôn ngoan [b], và quyền năng [c] nắm giữ [d] và sự thống trị [e] tất cả các tạo vật của Ngài, cùng tất cả những hành động của chúng [f].

[a]. Thi. 145:17

[b]. Thi. 104:24

[c]. Hêb. 1:3

[d]. Nê-hê-mi. 9:6

[e]. Êph. 1:19-22

[f]. Thi. 36:6; Châm. 16:33; Mat. 10:30

H. 12. Hành động đặc biệt của sự thần hựu mà Đức Chúa Trời đã thi hành để hướng loài người sống trong tình trạng mà ở đó loài người đã được dựng nên là gì?

T. Khi Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên loài người, Ngài khởi sự thiết lập một giao ước sự sống với họ, với điều kiện của sự vâng phục hoàn toàn; Ngài không cho phép loài người ăn trái cây của sự nhận biết điều thiện và điều ác, nếu họ ăn chắc chắn sẽ chết. [a]

[a]. Sáng. 2:16-17; Gia-cơ. 2:10

H. 13. Có phải tổ phụ đầu tiên của chúng ta đã được tiếp tục sống trong tình trạng mà ở đó họ đã được tạo nên không?

T. Tổ phụ đầu tiên của chúng ta, họ được tự do để làm theo ý muốn riêng của họ, nhưng họ đã sa ngã khỏi tình trạng mà ở đó họ đã được tạo nên, bởi tội lỗi chống nghịch Đức Chúa Trời [a].

[a]. Sáng. 3:6-8, 13; II Côr. 11:3

H. 14. Tội lỗi là gì?

T. Tội lỗi là bất cứ điều gì không đạt đến tiêu chuẩn, hay là sự vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời [a].

[a]. Lê-vi. 5:17; Gia-cơ. 4:17; I Giăng 3:4; Châm 24:9; 21:4

H. 15. Bởi tội lỗi gì đã khiến cho tổ phụ của chúng ta sa ngã ra khỏi tình trạng mà ở đó họ đã được tạo dựng nên?

T. Tội lỗi mà bởi đó tổ phụ của chúng ta đã sa ngã ra khỏi tình trạng mà ở đó họ đã được tạo dựng nên, đó là bởi sự ăn trái cấm của họ [a].

[a]. Sáng. 3:6

H. 16. Có phải tất cả nhân loại đã sa ngã trong sự phạm tội đầu tiên của Adam?

T. Giao ước đã được thiết lập với Adam [a], nó không chỉ dành cho mình ông, nhưng cho cả con cháu của ông; cho tất cả nhân loại, nó di truyền từ ông qua mọi thế hệ, họ đã phạm tội trong Adam, và đã sa ngã với ông, trong sự phạm tội đầu tiên của ông [b].

[a]. Sáng. 2:16-17; Gia-cơ. 2:10

[b]. Rôm. 5:12-21; I Côr. 15:22

H. 17. Sự sa ngã đã đem nhân loại đến trong tình trạng nào?

T. Sự sa ngã đã đem nhân loại đến trong tình trạng của tội lỗi và đau khổ [a].

[a]. Sáng. 3:16-19, 23; Rôm. 3:16; 5:12; Êph. 2:1

H. 18. Tình trạng phạm tội của loài người sa ngã cốt nằm ở đâu?

T. Tình trạng phạm tội đó ở trong loài người sa ngã, cốt nằm ở trong điều sai quấy của tội lỗi đầu tiên của Adam [a], đó là sự thiếu hụt sự công chính nguyên thủy của Adam [b], và sự bại hoại hoàn toàn trong bản chất của ông [c], nó được gọi là *nguyên tội*; cùng với tất cả sự vi phạm hiện tại đều được tiếp diễn từ nó [d].

[a]. Rôm. 5:12, 19

[b]. Rôm. 3:10; Cól. 3:10; Êph. 4:24

[c]. Thi. 51:5; Giăng 3:6; Rôm. 3:18; 8:7-8; Êph. 2:3  
[d]. Sáng. 6:5; Thi. 53:1-3; Mat. 15:19; Rôm. 3:10-18, 23; Gal. 5:19-21; Gia-cơ. 1:14-15

H. 19. Sự đau khổ của tình trạng mà loài người đã sa ngã vào đó là gì?

T. Tất cả nhân loại bởi sự sa ngã của họ đã mất đi mối tương giao với Đức Chúa Trời [a], và ở dưới con thịnh nộ [b] cùng sự rửa xả của Ngài [c], và họ phải chịu trách nhiệm với tất cả sự đau khổ trong cuộc đời này [d], với chính sự chết [e], và với sự đau đớn của địa ngục đời đời [f].

[a]. Sáng. 3:8, 24; Giăng 8:34, 42, 44; Êph. 2:12; 4:18

[b]. Giăng 3:36; Rôm. 1:18; Êph. 2:3; 5:6

[c]. Gal. 3:10; Khải. 22:3

[d]. Sáng. 3:16-19; Gióp 5:7; Truyền đạo. 2:22-23; Rôm. 8:18-23

[e]. Ê-xê. 18:4; Rôm. 5:12; 6:23

[f]. Mat. 25:41, 46; II Tê. 1:9; Khải. 14:9-11

H. 20. Có phải Đức Chúa Trời đã lia bỏ tất cả loài người hư mất trong tình trạng của tội lỗi và của sự đau khổ không?

T. Đức Chúa Trời, bởi chính sự vui thích tốt lành của Ngài, từ trước vô cùng, Ngài đã định trước một số người cho sự sống đời đời [a], Ngài đã thiết lập một giao ước của ân điển, để giải cứu họ ra khỏi tình trạng của tội lỗi và của sự đau khổ, và mang họ đến trong một tình trạng của sự cứu rỗi bởi một Đấng Cứu Chuộc [b].

[a]. Công 13:48; Êph. 1:4-5; II Tê. 2:13-14

[b]. Sáng. 3:15; 17:7; Xuất. 19:5-6; Giê-rê-mi. 31:31-34; Mat. 20:28; I Côr. 11:25; Hêb. 9:15

H. 21. Ai là Đấng Cứu Chuộc được chọn lựa của Đức Chúa Trời

T. Đấng Cứu Chuộc duy nhất được chọn lựa của Đức Chúa Trời là Đức Chúa Jesus Christ [a], Đấng, từ đời đời là Con của Đức Chúa Trời [b], đã trở nên loài người [c] đã hiện hữu, và còn tiếp tục, Đức Chúa Trời và loài người hai bản chất riêng biệt, trong một người, hằng có đời đời [d].

[a]. Giăng. 14:6; Công. 4:12; I Tim. 2:5-6

[b]. Thi. 2:7; Mat. 3:17; 17:5; Giăng. 1:18

[c]. Ê-sai. 9:6; Mat. 1:23; Giăng 1:14; Gal. 4:4

[d]. Công. 1:11; Hêb. 7:24-25

H. 22. Làm thế nào Đấng Christ, Con của Đức Chúa Trời, đã trở nên loài người?

T. Đấng Christ, Con của Đức Chúa Trời, đã trở nên loài người, bởi sự nhập thể mang lấy hình dạng loài người, và một linh hồn sống [a], Ngài đã được thụ thai bởi quyền năng của Đức Thánh Linh, trong lòng của trinh nữ Mary, và được sinh hạ bởi nàng [b] song không có tội lỗi [c].

[a]. Phil. 2:7; Hêb. 2:14, 17

[b]. Luc 1:27, 31, 35

[c]. II Côr. 5:21; Hêb. 4:15; 7:26; I Giăng 3:5

H. 23. Chức vụ mà Đấng Christ thi hành như Đấng Cứu Chuộc của chúng ta là gì?

T. Đấng Christ, là Đấng Cứu Chuộc của chúng ta, thi hành những chức vụ của một nhà tiên

tri [a], của một thầy tế lễ [b], và của một vị vua [c], trong hai tình trạng của sự nhục nhã và sự tán dương.

[a]. Phục. 18:18; Công 2:33; 3:22-23; Hêb. 1:1-2

[b]. Hêb. 4:14-15; 5:5-6

[c]. Ê-sai. 9:6-7; Luc 1:32-33; Giăng 18:37; I Côr. 15:25

H. 24. Làm thế nào Đấng Christ thi hành chức vụ của một nhà tiên tri?

T. Đấng Christ thi hành chức vụ của một nhà tiên tri, trong sự mặc khải (bày tỏ) cho chúng ta, bởi Lời Ngài [a] và bởi Đức Thánh Linh [b,] và bởi ý muốn của Đức Chúa Trời cho sự cứu rỗi của chúng ta [c].

[a]. Luc. 4:18-19, 21; Công. 1:1-2; Hêb. 2:3

[b]. Giăng. 15:26-27; Công. 1:8; I Phi-e-rơ. 1:11

[c]. Giăng. 4:41-42; 20:30-31

H. 25. Làm thế nào Đấng Christ thi hành chức vụ của một thầy tế lễ?

T. Đấng Christ thi hành chức vụ của một thầy tế lễ, trong sự hiến dâng chính Ngài một lần đủ cả như một của lễ chuộc tội công chính thiêng liêng [a], và hòa giải chúng ta với Đức Chúa Trời [b]; và Ngài tiếp tục ở trong sự cầu thay cho chúng ta [c].

[a]. Ê-sai. 53; Công. 8:32-35; Hêb. 9:26-28; 10:12

[b]. Rôm. 5:10-11; II Côr. 5:18; Cól. 1:21-22

[c]. Rôm. 8:34; Hêb. 7:25; 9:24

H. 26. Làm thế nào Đấng Christ thi hành chức vụ của một vị vua?

T. Đấng Christ thi hành chức vụ của một vị vua, trong sự khuất phục chúng ta cho chính Ngài, ở trong sự cai trị và sự biện hộ cho chúng ta [a], và trong sự cầm giữ cũng như sự đắc thắng tất cả những kẻ thù của Ngài và của chúng ta [b].

[a]. Thi. 110:3; Mat. 28:18-20; Giăng. 17:2; Cól. 1:13

[b]. Thi. 2:6-9; 110:1-2; Mat. 12:28; I Côr. 15:24-26; Cól. 2:15

H. 27. Sự nhục nhã của Đấng Christ cốt ở tại đâu?

T. Sự nhục nhã của Đấng Christ cốt ở tại sự giáng sinh của Ngài, và nó ở trong tình trạng thấp hèn [a], Ngài được sinh ra ở dưới luật pháp [b], trải qua cảnh khổ cực của cuộc đời này [c], gánh chịu con thịnh nộ của Đức Chúa Trời [d], và bị rửa sả trong sự chết của thập tự giá [e]; Ngài đã chịu chôn, và tiếp tục ở dưới quyền lực của sự chết trong một khoảng thời gian [f].

[a]. Luc. 2:7; II Côr. 8:9; Gal. 4:4

[b]. Gal. 4:4

[c]. Ê-sai. 53:3; Luc 9:58; Giăng 4:6; 11:35; Hêb. 2:18

[d]. Thi. 22:1 (Mat. 27:46); Ê-sai. 53:10; I Giăng 2:2

[e]. Gal. 3:13; Phil. 2:8

[f]. Mat. 12:40; I Côr. 15:3-4

H. 28. Sự tán dương của Đấng Christ cốt ở tại đâu?

T. Sự tán dương của Đấng Christ cốt ở tại sự sống lại của Ngài từ cõi chết vào ngày thứ ba

[a], và trong sự thăng thiên [b], và Ngài đang ngự bên phải [c] Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha, và Ngài sẽ quay trở lại để phán xét thế gian vào ngày cuối cùng [d].

[a]. I Côr. 15:4

[b]. Thi. 68:18; Công 1:11; Êph. 4:8

[c]. Thi. 110:1; Công 2:33-34; Hêb. 1:3

[d]. Mat. 16:27; Công 17:31

H. 29. Làm thế nào chúng ta đã được trở nên những người được dự phần trong sự chuộc tội được trả giá bởi Đấng Christ?

T. Chúng ta đã được trở nên những người được dự phần trong sự chuộc tội được trả giá bởi Đấng Christ, nhờ sự áp dụng có hiệu lực của điều đó cho chúng ta bởi Đức Thánh Linh [a].

[a]. Tít 3:4-7

H. 30. Làm thế nào Đức Thánh Linh áp dụng cho chúng ta sự chuộc tội đã được trả giá bởi Đấng Christ?

T. Đức Thánh Linh áp dụng cho chúng ta sự chuộc tội đã được trả giá bởi Đấng Christ, bởi công việc của đức tin trong chúng ta [a], và bởi đó Ngài hiệp nhất chúng ta với Đấng Christ trong sự kêu gọi có hiệu lực của chúng ta [b].

[a]. Rôm. 10:17; I Côr. 2:12-16; Êph. 2:8; Phil. 1:29

[b]. Giăng 15:5; I Côr. 1:9; Êph. 3:17

H. 31. Sự kêu gọi có hiệu lực là gì?

T. Sự kêu gọi có hiệu lực là công việc của Thánh Linh của Đức Chúa Trời, nhờ đó, Ngài bắt phục chúng ta về tội lỗi và sự đau khổ của mình, khai sáng tâm trí của chúng ta trong sự nhận biết Đấng Christ [a], và đổi mới những ý muốn của chúng ta [b], Ngài bắt phục và cho phép chúng ta nắm lấy Đức Chúa Jesus Christ [c], Đấng đã được ban cho chúng ta nhưng không trong Phúc Âm [d].

[a]. Công 26:18; I Côr. 2:10, 12; II Côr. 4:6; Êph. 1:17-18

[b]. Phục. 30:6; Ê-xê. 36:26-27; Giăng. 3:5; Tít. 3:5

[c]. Giăng. 6:44-45; Công. 16:14

[d]. Ê-sai. 45:22; Mat. 11:28-30; Khải. 22:17

H. 32. Lợi ích mà những người nhận được sự kêu gọi có hiệu lực được dự phần trong cuộc đời này là gì?

T. Những lợi ích mà những người nhận được sự kêu gọi có hiệu lực được dự phần trong cuộc đời này là sự biện hộ, sự nhận làm con nuôi, và sự nên thánh, và nhiều những lợi ích khác nữa kèm theo trong cuộc đời này hoặc được tuôn tràn ra từ chúng [a].

[a]. Rôm. 8:30; I Côr. 1:30; 6:11; Êph. 1:5

H. 33. Sự biện hộ là gì?

T. Sự biện hộ là một hành động của ân điển nhưng không của Đức Chúa Trời [a], ở trong đó Ngài tha thứ cho tất cả tội lỗi của chúng ta [b], và chấp nhận chúng ta là công chính trong cái nhìn của Ngài [c], chỉ duy bởi sự công chính của Đấng Christ quy kê cho chúng ta [d], và chúng ta được nhận lãnh chỉ bởi đức tin mà thôi [e].

[a]. Rôm. 3:24

- [b]. Rôm. 4:6-8; II Côr. 5:19
- [c]. II Côr. 5:21
- [d]. Rôm. 4:6, 11; 5:19
- [e]. Gal. 2:16; Phil. 3:9

H. 34. Sự nhận làm con nuôi là gì?

A. Sự nhận làm con nuôi là một hành động của ân điển nhưng không của Đức Chúa Trời [a], nhờ đó chúng ta được tiếp nhận vào trong một nhóm người, và có một thẩm quyền đến với tất cả các đặc quyền, của những con cái của Đức Chúa Trời [b].

- [a]. I Giăng 3:1
- [b]. Giăng 1:12; Rôm. 8:17

H. 35. Sự nên thánh là gì?

T. Sự nên thánh là công việc của ân điển nhưng không của Đức Chúa Trời [a], nhờ đó chúng ta được đổi mới trong toàn bộ con người theo hình ảnh của Đức Chúa Trời [b], và được giao quyền càng hơn để chết về tội lỗi, và sống cho sự công bình [c].

- [a]. Ê-xê. 36:27; Phil. 2:13; II Tê. 2:13
- [b]. II Côr. 5:17; Êph. 4:23-24; I Tê. 5:23
- [c]. Ê-xê. 36:25-27; Rôm. 6:4, 6, 12-14; II Côr. 7:1; I Phi-e-rơ. 2:24

H. 36. Đây là những lợi ích kèm theo trong cuộc đời này hay được tuôn tràn ra (sản sinh ra) từ sự biện hộ, sự nhận làm con nuôi, và sự nên thánh?

T. Những lợi ích kèm theo trong cuộc đời này hay được tuôn tràn ra từ sự biện hộ, sự nhận làm con nuôi, và sự nên thánh, là, sự tin chắc trong tình yêu thương của Đức Chúa Trời [a], sự bình an của lương tâm [b], sự vui mừng trong Đức Thánh Linh [c], sự tấn tới trong ân điển [d], và sự bền chí trong đó cho đến cuối cùng [e].

- [a]. Rôm. 5:5
- [b]. Rôm. 5:1
- [c]. Rôm. 14:17
- [d]. II Phi-e-rơ. 3:18
- [e]. Phil. 1:6; I Phi-e-rơ. 1:5

H. 37. Đây là những lợi ích mà những người tin nhận được từ Đấng Christ khi họ chết?

T. Những linh hồn của những người tin Chúa Jesus ở trong sự chết của họ đã được dựng nên toàn hảo trong sự thánh khiết [a], và ngay lập tức được đưa đến trong sự vinh hiển [b]; và thể xác của họ, vẫn đang được kết hiệp với Đấng Christ [c], yên nghỉ trong phần mộ cho đến sự sống lại. [d].

- [a]. Hêb. 12:23
- [b]. Luc 23:43; II Côr. 5:6, 8; Phil. 1:23
- [c]. I Tê. 4:14
- [d]. Đan. 12:2; Giăng 5:28-29; Công 24:15

H. 38. Đây là những lợi ích mà những người tin nhận được từ Đấng Christ trong sự sống lại?

T. Trong sự sống lại, những người tin sẽ được cất lên trong sự vinh hiển [a], họ sẽ được công

nhận và được tuyên bố trắng án (tha bổng) trong ngày phán xét [b], và được phước lành hoàn hảo trong sự vui sướng đầy trọn của Đức Chúa Trời [c] trong cả cõi đời đời [d].

[a]. I Côr. 15:42-43

[b]. Mat. 25:33-34, 46

[c]. Rôm. 8:29; I 3:2

[d]. Thi. 16:11; I Tê. 4:17

H. 39. Bồn phận / trách nhiệm mà Đức Chúa Trời yêu cầu loài người là gì?

T. Bồn phận mà Đức Chúa Trời yêu cầu loài người, là sự vâng phục ý muốn đã được bày tỏ của Ngài [a].

[a]. Phục. 29:29; Mi-chê. 6:8; I Giăng 5:2-3; Mat 22:36-40

H. 40. Điều đầu tiên Đức Chúa Trời đã bày tỏ cho loài người cho nguyên tắc của sự vâng phục của họ là gì?

T. Nguyên tắc mà Đức Chúa Trời đã bày tỏ đầu tiên cho loài người cho sự vâng phục của họ, đó là luật luân lý đạo đức [a].

[a]. Rôm. 2:14-15; 10:5

H. 41. Đây là bản tóm lược của luật luân lý đạo đức đã được thông qua?

T. Bản tóm lược của luật luân lý đạo đức đã được thông qua là ở trong mười điều răn [a].

[a]. Phục. 4:13; Mat. 19:17-19

H. 42. Nội dung tổng quát / tóm tắt của mười điều răn là gì?

T. Nội dung tổng quát của mười điều răn là, yêu mến Chúa là Đức Chúa Trời của chúng ta với cả tấm lòng, với cả linh hồn, với cả sức lực, với cả tâm trí; và yêu thương người lân cận như chính mình [a].

[a]. Mat. 22:37-40; Mác 12:28-34; Luc 10:25-28

H. 43. Lời mở đầu cho mười điều răn là gì?

T. Lời mở đầu cho mười điều răn là ở trong ba từ này, *Ta là Chúa, Đức Chúa Trời của các ngươi, đã đem các ngươi ra khỏi đất Ai-cập, khỏi nhà nô lệ.* [a]

[a]. Xuất. 20:2; Phục. 5:6

H. 44. Lời mở đầu cho mười điều răn dạy dỗ chúng ta điều gì?

T. Lời mở đầu cho mười điều răn dạy dỗ chúng ta, Rằng bởi vì Đức Chúa Trời là Chúa, là Đức Chúa Trời của chúng ta, và là Đấng Cứu Chuộc, vì thế chúng ta cần phải vâng giữ tất cả điều răn của Ngài [a].

[a]. Luc 1:74-75; I Phi-e-rơ. 1:14-19

H. 45. Điều răn thứ nhất là điều răn nào?

T. Điều răn thứ nhất là, *Trước mặt ta ngươi chớ có các thần khác.* [a]

[a]. Xuất. 20:3; Phục. 5:7



H. 46. Điều răn thứ nhất yêu cầu chúng ta điều gì?

T. Điều răn thứ nhất yêu cầu chúng ta nhận biết và thừa nhận Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời chân thật duy nhất, và Ngài là Đức Chúa Trời của chúng ta; và chúng ta thờ phượng và làm vinh hiển Ngài theo những điều ở trên [a].

[a]. I Sử ký. 28:9; Ê-sai. 45:20-25; Mat. 4:10

H. 47. Trong điều răn thứ nhất ngăn cấm chúng ta điều gì?

T. Điều răn thứ nhất ngăn cấm chúng ta từ chối [a], hoặc không thờ phượng và làm vinh hiển Đức Chúa Trời chân thật là Đức Chúa Trời [b], Đức Chúa Trời của chúng ta [c]; và dâng sự thờ phượng và sự vinh hiển đó cho bất cứ thần nào khác, mà chỉ duy mình Ngài mà thôi [d].

[a]. Thi. 14:1

[b]. Rôm. 1:20-21

[c]. Thi. 81:10-11

[d]. Ê-xê. 8:16-18; Rôm. 1:25

H. 48. Đâu là điều chúng ta được dạy dỗ cách đặc biệt qua những từ này, “*trước mặt ta*” ở trong điều răn thứ nhất?

T. Những từ này, *trước mặt ta*, trong điều răn thứ nhất dạy dỗ chúng ta, rằng Đức Chúa Trời, Đáng nhìn thấy tất cả mọi điều, Ngài chú ý đến chúng, và Ngài rất không hài lòng với, tội lỗi của việc có thêm bất cứ thần tượng nào khác. [a]

[a]. Phục. 30:17-18; Thi. 44:20-21; Ê-xê. 8:12

H. 49. Điều răn thứ hai là gì?

T. Điều răn thứ hai là, *Ngươi chớ làm tượng chạm cho mình, cũng chớ làm tượng nào giống những vật trên trời cao kia, hoặc nơi đất thấp này, hoặc trong nước dưới đất. Ngươi chớ qui lạy trước các hình tượng đó, và cũng đừng hầu việc chúng nó; vì ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi, tức là Đức Chúa Trời ký tà, hề ai ghét ta, ta sẽ nhân tội tổ phụ phạt lại con cháu đến ba bốn đời, và sẽ làm ơn đến ngàn đời cho những kẻ yêu mến ta và giữ các điều răn ta.*

[a]

[a]. Xuất. 20:4-6; Phục. 5:8-10

H. 50. Trong điều răn thứ hai yêu cầu chúng ta điều gì?

T. Điều răn thứ hai yêu cầu chúng ta nhận lãnh, dôi theo, và vâng giữ trong sạch và trọn vẹn, tất cả những sự thờ phượng tôn giáo và những nghi lễ theo như Đức Chúa Trời đã định trong Lời Ngài [a].

[a]. Phục. 12:32; Mat. 28:20

H. 51. Trong điều răn thứ hai ngăn cấm chúng ta điều gì?

T. Điều răn thứ hai ngăn cấm sự thờ phượng Đức Chúa Trời bằng hình tượng [a], hoặc bất cứ hình thức nào khác không được định trong Lời Ngài [b].

[a]. Phục. 4:15-19; Rôm. 1:22-23

[b]. Lê-vi. 10:1-2; Giê-rê-mi. 19:4-5; Côi. 2:18-23

H. 52. Đây là những lý do cho điều răn thứ hai?

T. Những lý do cho điều răn thứ hai là, quyền tể trị của Đức Chúa Trời trên chúng ta [a], quyền sở hữu của Ngài trong chúng ta [b], và lòng sốt sắng Ngài có cho sự thờ phượng riêng chính mình Ngài [c].

[a]. Thi. 95:2-3, 6-7; 96:9-10

[b]. Xuất. 19:5; Thi. 45:11; Ê-sai. 54:5

[c]. Xuất. 34:14; I Côr. 10:22

H. 53. Điều răn thứ ba là gì?

T. Điều răn thứ ba là, *Người chớ lấy danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời người mà làm chơi, vì Đức Giê-hô-va chẳng cảm bằng vô tội kẻ nào lấy danh Ngài mà làm chơi.* [a]

[a]. Xuất. 20:7; Phục. 5:11

H. 54. Trong điều răn thứ ba yêu cầu chúng ta điều gì?

T. Điều răn thứ ba yêu cầu về sự tôn thánh và tôn kính các danh xưng cũng như các tước vị của Đức Chúa Trời [a], các thuộc tính [b], các thánh lễ [c], Lời [d], và các công việc Ngài [e].

[a]. Phục. 10:20; Thi. 29:2; Mat. 6:9

[b]. I Sử ký. 29:10-13; Khải. 15:3-4

[c]. Công 2:42; I Côr. 11:27-28

[d]. Thi. 138:2; Khải. 22:18-19

[e]. Thi. 107:21-22; Khải. 4:11

H. 55. Trong điều răn thứ ba ngăn cấm chúng ta điều gì?

T. Điều răn thứ ba ngăn cấm chúng ta làm ô uế hay lạm dụng bất cứ điều gì mà bởi đó Đức Chúa Trời đã làm cho chính Ngài được biết đến [a].

[a]. Lê-vi. 19:12; Mat. 5:33-37; Gia-cơ. 5:12

H. 56. Đây là những lý do cho điều răn thứ ba?

T. Những lý do cho điều răn thứ ba là, tuy rằng những kẻ phá vỡ điều răn này có thể thoát khỏi sự trừng phạt từ loài người, nhưng Chúa là Đức Chúa Trời của chúng ta sẽ không dung thứ họ thoát khỏi sự phán xét công bình của Ngài [a].

[a]. Phục. 28:58-59; I Sam. 3:13; 4:11

H. 57. Điều răn thứ tư là gì?

T. Điều răn thứ tư là, *Hãy nhớ ngày nghỉ đặng làm nên ngày thánh. Người hãy làm hết công việc mình trong sáu ngày; nhưng ngày thứ bảy là ngày nghỉ của Giê-hô-va Đức Chúa Trời người: trong ngày đó, người, con trai, con gái tôi trai tớ gái, súc vật của người, hoặc khách ngoại bang ở trong nhà người, đều chớ làm công việc chi hết; vì trong sáu ngày Đức Giê-hô-va đã dựng nên trời, đất, biển, và muôn vật ở trong đó, qua ngày thứ bảy thì Ngài nghỉ: vậy nên Đức Giê-hô-va đã ban phước cho ngày nghỉ và làm nên ngày thánh.* [a]

[a]. Xuất. 20:8-11; Phục. 5:12-15

H. 58. Trong điều răn thứ tư yêu cầu chúng ta điều gì?

T. Điều răn thứ tư yêu cầu chúng ta giữ nên thánh cho Đức Chúa Trời ngày sa-bát theo như Ngài đã định trong Lời Ngài; để riêng một ngày thứ bảy, là ngày sa-bát thánh cho Ngài [a].  
[a]. Xuất. 31:13, 16-17

H. 59. Ngày nào trong bảy ngày Đức Chúa Trời đã định là ngày sa-bát hàng tuần?

T. Từ khi sáng thế cho đến sự phục sinh của Đấng Christ, Đức Chúa Trời đã ấn định ngày thứ bảy trong tuần lễ là ngày sa-bát hàng tuần [a]; và ngày thứ nhất trong tuần lễ kể từ lúc đó (sự phục sinh), tiếp tục cho đến ngày tận thế đó là ngày Chúa nhật (ngày của Chúa) [b].  
[a]. Sáng. 2:2-3; Xuất. 20:11  
[b]. Mác 2:27-28; Công 20:7; I Côr. 16:2; Khải. 1:10

H. 60. Ngày sa-bát được biệt riêng ra thánh như thế nào?

T. Ngày sa-bát được biệt riêng ra thánh để dành một sự nghỉ ngơi thánh cho cả ngày hôm đó, thậm chí ngay cả những công việc và sự giải trí thế tục được coi là hợp pháp vào những ngày khác [a]; và dành toàn bộ thời gian trong nơi hội chúng và nơi riêng tư sử dụng cho sự thờ phượng Đức Chúa Trời [b], ngoại trừ một số trường hợp như là những công việc rất cần thiết hay những công việc của lòng thương xót [c].  
[a]. Xuất. 20:10; Nêh. 13:15-22; Ê-sai. 58:13-14  
[b]. Xuất. 20:8; Lê-vi. 23:3; Luc 4:16; Công 20:7  
[c]. Mat. 12:1-13

H. 61. Trong điều răn thứ tư ngăn cấm chúng ta điều gì?

T. Điều răn thứ tư ngăn cấm chúng ta bỏ sót hoặc thực hiện bất cẩn các bổn phận được yêu cầu, hay làm ô uế ngày thánh bởi sự lười nhác, hoặc làm điều gì đó mà bản chất của nó là tội lỗi, hoặc bởi những suy nghĩ, lời nói, hay những việc làm không cần thiết, về những công việc hay những sự giải trí thế tục của chúng ta [a].  
[a]. Nêh. 13:15-22; Ê-sai. 58:13-14; A-mốt 8:4-6

H. 62. Đâu là những lý do cho điều răn thứ tư?

T. Những lý do cho điều răn thứ tư là, Đức Chúa Trời cho phép chúng ta sáu ngày trong tuần để làm những công việc riêng của mình [a], và Ngài đề ra một phép tắc đặc biệt trong ngày thứ bảy, đó là khuôn mẫu của Ngài, và Ngài ban phước cho ngày sa-bát. [b].  
[a]. Xuất. 20:9; 31:15; Lê-vi. 23:3  
[b]. Sáng. 2:2-3; Xuất. 20:11; 31:17

H. 63. Điều răn thứ năm là điều răn nào?

T. Điều răn thứ năm là, *Hãy hiếu kính cha mẹ ngươi, hầu cho ngươi được sống lâu trên đất mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi ban cho.* [a]  
[a]. Xuất. 20:12; Phục. 5:16

H. 64. Trong điều răn thứ năm yêu cầu chúng ta điều gì?

T. Điều răn thứ năm yêu cầu chúng ta gìn giữ sự kính trọng, và thực hiện các bổn phận, thuộc tất cả mọi người ở một số nơi và những mối quan hệ của chúng ta, như cấp trên, cấp dưới, hoặc ngang hàng [a].

[a]. Rôm. 13:1, 7; Êph. 5:21-22, 24; 6:1, 4-5, 9; I Phi-e-rơ. 2:17

H. 65. Trong điều răn thứ năm ngăn cấm chúng ta điều gì?

T. Điều răn thứ năm ngăn cấm chúng ta bỏ mặc sự kính trọng, hoặc làm bất cứ điều gì chống lại nó, sự kính trọng và bổn phận thuộc về tất cả mọi người ở một số nơi và những mối quan hệ của chúng ta [a].

[a]. Mat. 15:4-6; Rôm. 13:8

H. 66. Đầu là lý do phụ dẫn cho điều răn thứ năm?

T. Lý do phụ dẫn cho điều răn thứ năm đó là, một lời hứa của sự sống lâu và thịnh vượng (theo như cách nó sẽ phục vụ cho sự vinh hiển của Đức Chúa Trời và sự tốt lành của riêng chúng ta) cho tất cả người vâng giữ điều răn này [a].

[a]. Xuất. 20:12; Phục. 5:16; Êph. 6:2-3

H. 67. Điều răn thứ sáu là điều răn nào?

T. Điều răn thứ sáu là, *Ngươi chớ giết người.* [a]

[a]. Xuất. 20:13; Phục. 5:17

H. 68. Trong điều răn thứ sáu yêu cầu chúng ta điều gì?

T. Điều răn thứ sáu yêu cầu tất cả chúng ta nỗ lực hợp pháp bảo toàn sự sống của chính mình, và sự sống của những người khác [a].

[a]. Êph. 5:28-29

H. 69. Trong điều răn thứ sáu ngăn cấm chúng ta điều gì?

T. Điều răn thứ sáu ngăn cản sự tước đoạt sự sống của chính chúng ta, hoặc sự sống của những người lân cận, cách không chính đáng, hoặc bất cứ điều gì nhắm tới điều đó [a].

[a]. Sáng. 9:6; Mat. 5:22; I Giăng 3:15

H. 70. Điều răn thứ bảy là điều răn nào?

T. Điều răn thứ bảy là, *Ngươi chớ phạm tội tà dâm.* [a]

[a]. Xuất. 20:14; Phục. 5:18

H. 71. Trong điều răn thứ bảy yêu cầu chúng ta điều gì?

T. Điều răn thứ bảy yêu cầu chúng ta giữ gìn sự trong sạch của chính mình và của những người lân cận, trong tâm lòng, lời nói, và cách cư xử [a].

[a]. I Cô-r. 7:2-3, 5; I Tê. 4:3-5; Thi 65:3; 1 Giăng 2:1-2

H. 72. Trong điều răn thứ bảy ngăn cấm chúng ta điều gì?

T. Điều răn thứ bảy ngăn cấm tất cả những suy nghĩ, lời nói, và những hành động không trong sạch. [a].

[a]. Mat. 5:28; Êph. 5:3-4

H. 73. Điều răn thứ tám là điều răn nào?

T. Điều răn thứ tám là, *Ngươi chớ trộm cướp.* [a]  
[a]. Xuất. 20:15; Phục. 5:19

H. 74. Trong điều răn thứ tám yêu cầu chúng ta điều gì?

T. Điều răn thứ tám yêu cầu sự kiếm lợi hợp pháp và thúc đẩy hơn nữa sự giàu có và tài sản vật chất của chính chúng ta và của những người khác [a].  
[a]. Lê-vi. 25:35; Êph. 4:28b; Phil. 2:4

H. 75. Trong điều răn thứ tám ngăn cấm chúng ta điều gì?

T. Điều răn thứ tám ngăn cấm bất cứ điều gì khiến cho, hoặc có thể, bắt công gây trở ngại cho riêng chúng ta, hoặc cho những người lân cận mình, về sự giàu có hay tài sản vật chất [a].  
[a]. Châm. 28:19; Êph. 4:28a; II Tê. 3:10; I Tim. 5:8

H. 76. Điều răn thứ chín là điều răn nào?

T. Điều răn thứ chín là, *Ngươi chớ nói chứng dối cho kẻ lân cận mình.* [a]  
[a]. Xuất. 20:16; Phục. 5:20

H. 77. Trong điều răn thứ chín yêu cầu chúng ta điều gì?

T. Điều răn thứ chín yêu cầu chúng ta duy trì và thúc đẩy sự chân thật giữa người với người, và phải bảo vệ danh tiếng tốt của chính chúng ta và của những người lân cận mình [a], đặc biệt là trong phương diện làm chứng [b].  
[a]. Xa-cha-ri. 8:16; Công 25:10; III Giăng 12  
[b]. Châm. 14:5, 25

H. 78. Trong điều răn thứ chín nghiêm cấm chúng ta điều gì?

T. Điều răn thứ chín nghiêm cấm bất cứ điều gì gây tổn hại đến sự chân thật, hoặc gây tổn hại cho danh tiếng tốt của chính chúng ta cũng như của những người lân cận mình [a].  
[a]. Lê-vi. 19:16; Thi. 15:3; Châm. 6:16-19; Luc 3:14; Gia-cơ 3:1-12

H. 79. Điều răn thứ mười là điều răn nào?

T. Điều răn thứ mười là, *Ngươi chớ tham nhà kẻ lân cận ngươi, cũng đừng tham vợ người, hoặc tôi trai tớ gái, bò, lừa, hay là vật chi thuộc về kẻ lân cận ngươi.* [a]  
[a]. Xuất. 20:17; Phục. 5:21

H. 80. Trong điều răn thứ mười yêu cầu chúng ta điều gì?

T. Điều răn thứ mười yêu cầu chúng ta thỏa lòng hoàn toàn với điều kiện của chính mình [a], với một sự đúng đắn và tâm thần lương thiện đối với những người lân cận mình, và tất cả những gì là của họ [b].  
[a]. Thi. 34:1; Phil. 4:11; I Tim. 6:6; Hêb. 13:5  
[b]. Luc 15:6, 9, 11-32; Rôm. 12:15; Phil. 2:4

H. 81. Trong điều răn thứ mười ngăn cấm chúng ta điều gì?

T. Điều răn thứ mười ngăn cấm tất cả sự bất mãn với tài sản riêng của chính chúng ta [a], thèm muốn hoặc đau buồn vì điều tốt lành của những người lân cận mình, và tất cả những cử chỉ cùng những ham muốn thái quá về bất cứ điều gì mà nó là của họ [b].

[a]. I Côr. 10:10; Gia-cơ. 3:14-16

[b]. Gal. 5:26; Cól. 3:5

H. 82. Có bất cứ người nào có đủ khả năng hoàn toàn để vâng giữ những điều răn của Đức Chúa Trời không?

T. Không, dù chỉ là một người, tất cả đều sa ngã, không ai có đủ khả năng hoàn toàn trong cuộc đời này để vâng giữ những điều răn của Đức Chúa Trời, nhưng họ phá vỡ chúng hàng ngày trong tư tưởng, lời nói, và việc làm [a].

[a]. Sáng. 8:21; Rôm. 3:9, 23

H. 83. Có phải tất cả những sự vi phạm luật pháp đều tàn ác như nhau không?

T. Một số người phạm tội bởi vì bản chất tội lỗi và bởi hoàn cảnh của họ, một số khác thì nghiêm trọng và ghê tởm hơn trong cái nhìn của Đức Chúa Trời hơn những người khác. [a].

[a]. Ê-xê. 8:6, 13, 15; Mat. 11:20-24; Giăng 19:11

H. 84. Tội lỗi xứng đáng với điều gì?

T. Mọi tội lỗi đều xứng đáng với cơn thịnh nộ và sự rửa sả của Đức Chúa Trời, cả hai điều đó đều ở trong đời này, và điều đó sẽ đến [a].

[a]. Mat. 25:41; Gal. 3:10; Êph. 5:6; Gia-cơ. 2:10

H. 85. Đức Chúa Trời đòi hỏi chúng ta điều gì, mà nhờ đó chúng ta có thể thoát khỏi cơn thịnh nộ và sự rửa sả của Ngài, trên chúng ta vì có tội lỗi?

T. Để thoát khỏi cơn thịnh nộ và sự rửa sả của Đức Chúa Trời, trên chúng ta vì có tội lỗi, Đức Chúa Trời đòi hỏi chúng ta ăn năn tội lỗi trong đời sống của mình và đặt đức tin nơi Đức Chúa Jesus Christ, [a] cùng với sự sốt sắng ứng dụng tất cả những phương tiện bên ngoài là những điều do bởi Đấng Christ ban cho chúng ta những lợi ích của sự chuộc tội [b].

[a]. Mác 1:15; Công 20:21; 2:38

[b]: Công 2:38; I Côr. 11:24-25; Cól. 3:16

H. 86. Đức tin nơi Đức Chúa Jesus Christ là gì?

T. Đức tin nơi Đức Chúa Jesus Christ là một ân điển cứu rỗi [a], bởi đó chúng ta nhận lãnh và được yên nghỉ trong chỉ duy Ngài cho sự cứu rỗi, như những gì Ngài đã cung ứng cách hào phóng cho chúng ta trong Phúc Âm [b].

[a]. Êph. 2:8-9; Rôm. 4:16; 10:17; Heb 12:2

[b]. Giăng 20:30-31; Gal. 2:15-16; Phil. 3:3-11

H. 87. Sự ăn năn trong đời sống là gì?

T. Sự ăn năn trong đời sống là một ân điển cứu rỗi [a], bởi đó một tội nhân, được thoát ra khỏi cảm giác thật của tội lỗi của chính mình, và nắm lấy sự thương xót của Đức Chúa Trời

trong Đấng Christ [b], xoay bỏ khỏi tội lỗi của chính mình cùng với nỗi thống khổ và sự căm ghét, và trở lại cùng Đức Chúa Trời [c], với mục đích đầy trọn, và sự nỗ lực sau đó, cùng sự vâng phục mới [d].

[a]. Công 11:18; II Tim. 2:25

[b]. Thi. 51:1-4; Giô-ên 2:13; Luc 15:7, 10; Công 2:37

[c]. Giê-rê-mi. 31:18-19; Luc. 1:16-17; I Tê. 1:9

[d]. II Sứ ký. 7:14; Thi. 119:57-64; Mat. 3:8; II Côr. 7:10

H. 88. Những phương tiện bên ngoài và các nghi lễ do bởi Đấng Christ ban cho chúng ta những lợi ích của sự chuộc tội là gì?

T. Những phương tiện bên ngoài và các nghi lễ do bởi Đấng Christ ban cho chúng ta những lợi ích của sự chuộc tội là, những mạng lệnh của Ngài, đặc biệt là Lời Ngài, những thánh lễ, và sự cầu nguyện, tất cả được làm cho có hiệu lực cho những người được định cho sự cứu rỗi.

[a].

[a]. Mat. 28:18-20; Công 2:41-42

H. 89. Làm thế nào Lời Đức Chúa Trời được làm cho có hiệu lực cho sự cứu rỗi?

T. Thánh Linh của Đức Chúa Trời thực hiện điều đó qua việc đọc Lời Chúa, nhưng đặc biệt là sự giảng dạy Lời Ngài, một sự có hiệu lực nghĩa là Ngài bắt phục và biến đổi những tội nhân, và gây dựng họ lớn lên trong sự thánh khiết và sự an ủi, thông qua đức tin cho sự cứu rỗi. [a].

[a]. Nêh. 8:8-9; Công 20:32; Rôm. 10:14-17; II Tim. 3:15-17

H. 90. Làm thế nào Lời Chúa được đọc và được nghe, mà nó có thể trở nên có hiệu lực cho sự cứu rỗi?

T. Để Lời Chúa có thể trở nên có hiệu lực cho sự cứu rỗi, chúng ta phải tham dự vào đó với sự chuyên tâm, sự chuân bị, và sự cầu nguyện [a]; nhận lãnh nó với đức tin và tình yêu thương, đặt nó vào trong tấm lòng, và thực hành nó trong đời sống của chúng ta [b].

[a]. Phục. 6:16-18; Thi. 119:18; I Phi-e-rơ. 2:1-2

[b]. Thi. 119:11; II Tê. 2:10; Hêb. 4:2; Gia-cơ. 1:22-25

H. 91. Làm thế nào các thánh lễ trở nên những phương tiện có hiệu lực (công hiệu) trong sự cứu rỗi?

T. Các thánh lễ trở nên những phương tiện có hiệu lực trong sự cứu rỗi, không phải bởi vì bất cứ năng lực nào ở trong chúng, hoặc của những người thi hành chúng; nhưng chỉ bởi ơn phước của Đấng Christ, và bởi công việc của Đức Thánh Linh trong những người bởi đức tin mà nhận lãnh chúng [a].

[a]. I Côr. 3:7; I Côr. 1:12-17

H. 92. Thánh lễ là gì?

T. Thánh lễ là một nghi lễ thiêng liêng được thiết lập bởi Đấng Christ [a]; ở trong đó, bởi những dấu hiệu có thể thấy được, Đấng Christ, và những lợi ích của giao ước mới, nó là sự tượng trưng, được ấn chứng, và được áp dụng cho những tín hữu. [b].

[a]. Mat. 28:19; 26:26-28; Mác 14:22-25; Luc 22:19-20; I Côr. 1:22-26

[b]. Gal. 3:27; I Côr. 10:16-17

H. 93. Có những thánh lễ nào trong Tân Ước?

T. Những thánh lễ trong Tân Ước là, Lễ Báp-têm [a], và Lễ Tiệc Thánh [b].

[a]. Mat. 28:19

[b]. I Côr 11:23-26

H. 94. Lễ Báp-têm là gì?

T. Lễ Báp-têm là một thánh lễ, trong đó người được làm Báp-têm sẽ trảm mình xuống nước nhân danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Thánh Linh [a], tuyên bố và ấn chứng sự kết hiệp của chúng ta trong Đấng Christ, và được dự phần vào những lợi ích của giao ước ân điển, cùng với sự kết ước đời sống chúng ta thuộc về Chúa. [b].

[a]. Mat. 28:19

[b]. Công. 2:38-42; 22:16; Rôm. 6:3-4; Gal. 3:26-27; I Phi-e-rơ. 3:21

H. 95. Lễ Báp-têm được thực hiện cho ai?

T. Lễ Báp-têm không được thực hiện cho bất cứ người nào bên ngoài Hội Thánh hữu hình, cho đến khi họ tuyên xưng đức tin của mình trong Đấng Christ, và vâng phục Ngài. [a].

[a]. Công. 2:41; 8:12, 36, 38; 18:8

H. 96. Lễ Tiệc Thánh là gì?

T. Lễ Tiệc Thánh là một thánh lễ, trong đó, bởi sự ban cho và sự nhận lãnh bánh cùng rượu nho, theo như lệnh truyền của Đấng Christ, sự chết của Ngài được bày tỏ ra [a]; và những người nhận là xứng đáng bởi đức tin, chứ không phải bởi môi miệng theo kiểu xác thịt, họ được dự phần vào thân thể và huyết của Ngài, với tất cả những ích lợi của Ngài, cho sự nuôi dưỡng tâm linh của họ, và sự tấn tới trong ân điển. [b].

[a]. Luc 22:19-20; I Côr. 11:23-26

[b]. I Côr. 10:16-17

H. 97. Sự đòi hỏi để xứng đáng nhận lãnh Tiệc Thánh là gì?

T. Sự đòi hỏi để xứng đáng nhận lãnh Tiệc Thánh là, mỗi người phải tự xét lấy mình về sự nhận biết ý nghĩa và mục đích của thánh lễ để phân biệt thân Chúa, về đức tin của họ nơi Ngài, về sự ăn năn của họ, về tình yêu thương, và sự vâng phục mới; kéo, không xứng đáng, họ ăn và uống sự xét đoán cho mình. [a].

[a]. I Côr. 11:27-32

H. 98. Sự cầu nguyện là gì?

T. Sự cầu nguyện là dâng lên lòng khao khát của chúng ta cho Đức Chúa Trời [a], cho những điều xứng hợp với ý muốn của Ngài [b], trong danh của Chúa Jesus Christ [c], với sự xưng nhận tội lỗi của chúng ta [d], và thừa nhận lòng biết ơn về những ân huệ của Ngài. [e]

[a]. Thi. 10:17; 62:8; Mat. 7:7-8

[b]. I Giăng 5:14

[c]. Giăng 16:23-24

[d]. Thi. 32:5-6; Đan. 9:4-19; I Giăng 1:9

[e]. Thi. 103:1-5; 136; Phil. 4:6



H. 99. Những nguyên tắc chỉ dẫn mà Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta trong sự cầu nguyện là gì?

T. Toàn bộ Lời của Đức Chúa Trời được sử dụng để chỉ dẫn chúng ta trong sự cầu nguyện [a]; nhưng nguyên tắc đặc biệt của sự chỉ dẫn đó là khuôn mẫu của sự cầu nguyện mà Đấng Christ đã dạy dỗ các môn đồ của Ngài, thường được gọi là *Bài Cầu Nguyện Chung*. [b]

[a]. I Giăng 5:14

[b]. Mat. 6:9-13

H. 100. Lời mở đầu của Bài Cầu Nguyện Chung dạy dỗ chúng ta điều gì?

T. Lời mở đầu của Bài Cầu Nguyện Chung, là, *Lạy Cha chúng con ở trên trời*, dạy chúng ta hãy đến gần với Đức Chúa Trời với tất cả lòng tôn kính thánh khiết [a] và sự tin cậy [b], như con trẻ đến với một người cha [c], có đủ thẩm quyền và sẵn sàng giúp đỡ chúng ta [d]; và chúng ta cũng nên cầu nguyện với và cho những người khác nữa [e].

[a]. Thi. 95:6

[b]. Êph. 3:12

[c]. Mat. 7:9-11; Luc 11:11-13; Rôm. 8:15

[d]. Êph. 3:20

[e]. Êph. 6:18; I Tim. 2:1-2

H. 101. Chúng ta cầu nguyện cho điều gì trong lời cầu nguyện đầu tiên?

T. Trong lời cầu nguyện đầu tiên, đó là, *Danh Cha được tôn thánh*, chúng ta cầu nguyện rằng Đức Chúa Trời cho phép chúng ta và những người khác làm vinh hiển Ngài trong tất cả mọi điều mà bởi đó Ngài làm cho chính Ngài được biết đến [a]; và để Ngài cai trị trên tất cả mọi vật cho sự vinh hiển của chính Ngài. [b].

[a]. Thi. 67:1-3; 99:3; 100:3-4

[b]. Rôm. 11:33-36; Khải. 4:11

H. 102. Chúng ta cầu nguyện cho điều gì trong lời cầu nguyện thứ hai?

T. Trong lời cầu nguyện thứ hai, đó là, *Nước Cha được đến*, chúng ta cầu nguyện rằng, nước của Satan sẽ bị phá hủy [a]; và nước của ân điển sẽ được tấn tới càng hơn [b], và chính chúng ta cùng những người khác được đem đến và được nắm giữ trong nước đó [c]; và cầu nguyện cho sự tái lâm của Đấng Christ cùng nước vinh hiển của Ngài sẽ đến mau chóng. [d].

[a]. Mat. 12:25-28; Rôm. 16:20; I Giăng 3:8

[b]. Thi. 72:8-11; Mat. 24:14; I Côr. 15:24-25

[c]. Thi. 119:5; Luc 22:32; II Tê. 3:1-5

[d]. Khải. 22:20

H. 103. Chúng ta cầu nguyện cho điều gì trong lời cầu nguyện thứ ba?

T. Trong lời cầu nguyện thứ ba, đó là, *Ý Cha được nên, ở đất như ở trời*, chúng ta cầu nguyện rằng, Đức Chúa Trời, bởi ân điển Ngài, khiến chúng ta có đủ năng lực và sẵn lòng để nhận biết, vâng lời, và đầu phục ý muốn của Ngài trong tất cả mọi điều [a], như những thiên sứ trên thiên đàng [b].

[a]. Thi. 19:14; 119; I Tê. 5:23; Hêb. 13:20-21

[b]. Thi. 103:20-21; Hêb. 1:14

H. 104. Chúng ta cầu nguyện cho điều gì trong lời cầu nguyện thứ tư?

T. Trong lời cầu nguyện thứ tư, đó là, *Xin cho chúng con hôm nay đồ ăn đủ ngày*, chúng ta cầu nguyện rằng bởi sự ban cho nhưng không của Đức Chúa Trời chúng ta có thể nhận lãnh đầy đủ mọi sự cần dùng của những điều tốt lành trong cuộc đời này, và vui hưởng phước hạnh của Ngài với chúng. [a].

[a]. Châm. 30:8-9; Mat. 6:31-34; Phil. 4:11, 19; I Tim. 6:6-8

H. 105. Chúng ta cầu nguyện cho điều gì trong lời cầu nguyện thứ năm?

T. Trong lời cầu nguyện thứ năm, đó là, *Xin tha tội cho chúng con, như chính chúng con cũng tha kẻ mắc tội với chúng con*, chúng ta cầu nguyện rằng, Đức Chúa Trời, vì có Đấng Christ, Ngài bằng lòng bao dung tha thứ tất cả mọi tội lỗi của chúng ta [a]; và chúng ta được khuyến khích để cầu xin điều này, bởi ân điển của Ngài chúng ta được cho phép từ tấm lòng để tha thứ cho những người khác. [b].

[a]. Thi. 51:1-2, 7, 9; Đan. 9:17-19; I Giăng 1:7

[b]. Mat. 18:21-35; Êph. 4:32; Cól. 3:13

H. 106. Chúng ta cầu nguyện cho điều gì trong lời cầu nguyện thứ sáu?

T. Trong lời cầu nguyện thứ sáu, đó là, *Xin đừng để chúng con sa vào chước cám dỗ, nhưng cứu chúng con khỏi Kẻ Ác*, chúng ta cầu nguyện rằng, Đức Chúa Trời mỗi lúc giữ chúng ta khỏi bị cám dỗ phạm tội [a], rồi Ngài thêm sức và giải cứu chúng ta khi chúng ta bị cám dỗ. [b].

[a]. Thi. 19:13; Mat. 26:41; Giăng 17:15

[b]. Luc 22:31-32; I Côr. 10:13; II Côr. 12:7-9; Hêb. 2:18

H. 107. Lời kết của Bài Cầu Nguyện Chung dạy dỗ chúng ta điều gì?

T. Lời kết của Bài Cầu Nguyện Chung, đó là, *Vì nước, quyền, vinh hiển đều thuộc về Cha đời đời vô cùng. Amen*, dạy dỗ chúng ta nắm lấy sự dạn dĩ của mình trong sự cầu nguyện với một mình Đức Chúa Trời [a], và ngợi khen Ngài trong sự cầu nguyện của chúng ta, và quy nước, quyền, và vinh hiển đều thuộc về Ngài [b]; và, trong sự chứng nhận của lòng khao khát cùng sự tin chắc của chúng ta được lắng nghe, và chúng ta nói, Amen. [c]

[a]. Đan. 9:4, 7-9, 16-19; Luc. 18:1, 7-8

[b]. I Sử ký. 29:10-13; I Tim. 1:17; Khải. 5:11-13

[c]. I Côr. 14:16; Khải. 22:20